

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 134/2018/HS-ST
Ngày: 26 - 9 - 2018.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lang Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lý
Bà Bùi Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Châu Lý, huyện QH, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 93/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Vi Thị T - Tên gọi khác: Lang Thị T; sinh ngày 15 tháng 09 năm 1968 tại huyện CC, tỉnh Nghệ An; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 2, xã Tiên Kỳ, huyện TK, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 4/10; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông: Lang Văn Lợi (đã mất) và bà: Lang Thị Lợi (đã mất); anh chị em ruột có 5 người, bị cáo là con thứ 5; có chồng là Vi Văn Doãn, sinh năm 1962 và có 08 người con, lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/03/2018 đến nay. Có mặt.

2. Vi Thị Q; tên gọi khác: Không; sinh ngày 12 tháng 08 năm 1964 tại huyện TK, tỉnh Nghệ An; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản Xét, xã Châu Lý, huyện QH, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: không biết chữ; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông: Vi Văn Tuyến (đã mất) và bà: Mạc Thị Tuyến (đã mất); anh chị em ruột có 6 người, bị cáo là con thứ 3; có chồng là Nguyễn Văn Nhiên, sinh năm 1964 và 01 con, sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/05/2018 đến nay. Có mặt.

3. Vi Văn T1. Tên gọi khác: Không; sinh ngày 17 tháng 07 năm 1987 tại huyện TK, tỉnh Nghệ An; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm 2, xã Tiên Kỳ, huyện TK, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 2/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông: Vi Văn Doãn, sinh năm 1962 và bà Vi Thị T, sinh năm 1968 (là bị cáo trong vụ án); anh chị em ruột có 8 người, bị cáo là con thứ 2; có vợ là Trương Thị Hiệp, sinh năm 1986 và 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/03/2018 đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo: Luật sư Phan Thị S - Văn phòng luật sư D và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An do Tòa án chỉ định. Có mặt.

- Người bị hại: Chị Lương Thị H1, sinh năm 1995;

Trú tại: Bản Th, xã C, huyện QH, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại: Ông Tạ Ngọc Vân - Văn phòng luật sư Tạ Vân và Cộng sự - Thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội do người bị hại yêu cầu. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10/2016, Vi Thị Sáu, trú tại xã Châu Lý, huyện QH, tỉnh Nghệ An từ Trung Quốc điện thoại về cho mẹ đẻ là Vi Thị T sinh năm 1968, trú tại xóm 2, xã Tiên Kỳ, huyện TK, tỉnh Nghệ An. Vi Thị Sáu điện thoại nói với bà T: “Đi tìm người đưa sang Trung Quốc cho Vi Thị Sáu bán cho người Trung Quốc lấy làm vợ, nếu tìm được Vi Thị Sáu trả công cho.”

Sau khi nhận được điện thoại của con gái, Vi Thị T điện thoại cho em chồng là Vi Thị Q, sinh năm 1964, trú tại bản Xét, xã Châu Lý, huyện QH, tỉnh Nghệ An hỏi: “Ai đi Trung Quốc lấy chồng không?”. Sau đó Vi Thị T và con trai Vi Văn T1, sinh năm 1987, trú tại xóm 2, xã Tiên Kỳ, huyện TK đi lên xã Châu Lý, huyện QH để tìm người đưa sang Trung Quốc cho Vi Thị Sáu bán cho người Trung Quốc lấy làm vợ. Lúc đến xã Châu Lý cả hai người có vào nhà Vi Thị Q chơi và nói với Vi Thị Q “người ta đi Trung Quốc lấy chồng được tiền nhiều, người đẹp được 100.000.000 đồng và người xấu được 70.000.000 đồng” và hỏi Vi Thị Q có biết ai đi Trung Quốc lấy chồng không đi tìm người cho Vi Thị T nhưng Q không tìm được ai nên Vi Thị T và Vi Văn T1 đi về nhà. Sau đó, Vi Thị Q biết con dâu là Lương Thị H1 có bố bị ung thư cần tiền chữa bệnh cho bố nên đã điện thoại cho Vi Thị T để hỏi cho Lương Thị H1 đi Trung Quốc lấy chồng được bao nhiêu tiền?. Sau đó, Vi Thị T đã gọi cho Vi Thị Sáu đang ở Trung Quốc “Có con dâu của Vi Thị Q muốn sang Trung Quốc lấy chồng”, Vi

Thị Sáu trả lời: “sẽ trả cho Vi Thị Q 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) nếu Lương Thị H1 đồng ý đi Trung Quốc lấy chồng và trả cho Vi Thị T 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền kiếm được người và trả cho Vi Văn T1 10.000.000 đồng tiền Việt Nam để Vi Văn T1 đưa Lương Thị H1 ra Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh giao cho Vi Thị Sáu”.

Khoảng 10 ngày sau (ngày 23/10/2016 âm lịch), Vi Thị T nói Vi Văn T1 lên nhà đón Lương Thị H1 để đưa đi ra Móng Cái, Quảng Ninh giao H1 cho Vi Thị Sáu. Thực hiện theo lời của Vi Thị T ngày hôm đó, Vi Văn T1 đã lên nhà Lương Thị H1 đưa Lương Thị H1 ra thị trấn QH đón xe ra Hà Nội. Khi T1 đưa Lương Thị H1 ra đến Hà Nội, Vi Văn T1 tiếp tục đón xe khách KaLong đưa Lương Thị H1 ra Móng Cái, Quảng Ninh rồi gọi điện cho em gái Vi Thị Sáu về đón. Vi Thị Sáu cho người đưa Lương Thị H1 sang Trung Quốc bằng đường tiểu ngạch vượt biên sang Trung Quốc. Khi đến Trung Quốc, Lương Thị H1 bị đưa đi hai ngày hai đêm thì đến nhà Vi Thị Sáu. Tại nhà Vi Thị Sáu, Lương Thị H1 nói: “Muốn đi làm để có tiền gửi về cho gia đình chữa bệnh cho bố”, nhưng Vi Thị Sáu nói sang Trung Quốc phải lấy chồng nếu không sẽ bán vào động mại dâm. Lúc đó, Lương Thị H1 phải đồng ý lấy chồng theo sự sắp đặt của Vi Thị Sáu. Lương Thị H1 bị bán cho người Trung Quốc với giá 9,5 vạn nhân dân tệ (tương đương khoảng 285.000.000 đồng tiền Việt Nam). Sau khi bán Lương Thị H1, Vi Thị Sáu gửi cho Vi Thị T 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng), Vi Thị T đã trả cho Vi Thị Q 80.000.000, trả cho Vi Văn T1 10.000.000 đồng, còn Vi Thị T được 40.000.000 đồng. Số tiền 80.000.000 đồng Vi Thị Q nhận được của Vi Thị T trong việc bán Lương Thị H1, Vi Thị Q đã chi đóng học phí cho con của Lương Thị H1 và mua thức ăn chi tiêu hết. Còn số tiền Vi Thị T được 40.000.000 đồng và Vi Văn T1 được 10.000.000 đồng cả hai đem tiêu xài cá nhân hết.

Lương Thị H1 phải lấy chồng người Trung Quốc cho đến ngày 04/02/2018, được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An phối hợp với thành phố Móng Cái, Quảng Ninh và Tổ chức Rừng Xanh giải cứu. Ngày 9/3/2018, Lương Thị H1 về đến Việt Nam và ngày 10/3/2018, Lương Thị H1 đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An làm đơn tố cáo các đối tượng đã đưa Lương Thị H1 sang Trung Quốc bán.

- Về dân sự: Chị Lương Thị H1 có đơn yêu cầu các bị cáo phải đền bù số tiền 82.000.000 đồng. Hiện các bị cáo Vi Thị T, Vi Thị Q, Vi Văn T1 chưa đền bù cho người bị hại.

Tại Bản cáo trạng số 99/VKS – P1 ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố các bị cáo Vi Thị T, Vi Thị Q và Vi Văn T1 về tội “Mua bán người” theo điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố về tội danh, khung hình phạt đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 119, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 để tuyên bố các bị cáo Vi Thị T, Vi Thị Q, Vi Văn T1 đều phạm tội “Mua bán người” và xử phạt bị cáo Vi Thị T mức án tù từ 06 – 07 năm tù; bị cáo Vi Thị Q từ 05 năm 06 tháng – 06 năm tù; bị cáo Vi Văn T1 từ 05 năm – 05 năm 06 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung và không truy thu số tiền thu lợi bất chính đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại cho người bị hại số tiền 82.000.000đ;

Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Vi Thị T, Vi Thị Q, Vi Văn T1 không tranh luận về phần tội danh và khung hình phạt mà các bị cáo bị truy tố và xét xử; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt các bị cáo mức án thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Các bị cáo Vi Thị T, Vi Thị Q, Vi Văn T1 nhất trí với quan điểm của luật sư và không có ý kiến gì tranh luận thêm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại: Nhất trí với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Đề nghị xem xét buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho người bị hại các khoản: - Mất thu nhập trong 18 tháng bị bán sang Trung Quốc mỗi tháng 3.000.000đ; - Bồi dưỡng sức khỏe: 8.000.000đ; - Bù đắp tổn thất tinh thần số tiền 20.000.000đ.

Người bị hại chị Lương Thị H1 nhất trí với ý kiến của Luật sư và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Vi Thị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và khai nhận rằng: Vào khoảng tháng 10/2016, Vi Thị T, Vi Thị Q, Vi Văn T1 đã trao đổi bàn bạc và đưa chị Lương Thị H1 sang Trung Quốc cho Vi Thị Sáu. Sau đó, Vi Thị Sáu đã bán chị Lương Thị H1 cho người đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ với giá 9,5 vạn nhân dân tệ (tương đương khoảng 285.000.000 đồng tiền Việt Nam). Vi Thị T được hưởng 40.000.000 đồng; Vi Thị Q được hưởng 80.000.000 đồng; Vi Văn T1 được hưởng 10.000.000 đồng và số tiền còn lại Vi Thị Sáu giữ. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai nhận trong quá trình điều tra, lời khai người bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Vi Thị T, Vi Thị Q, Vi Văn T1 đã phạm tội “Mua bán người”. Các bị cáo mua bán người để ra nước ngoài nên đã phạm vào điểm d khoản 2 điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 như bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội:

Vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người, nhất là người phụ nữ; lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của chị Lương Thị H1, có nhu cầu tìm kiếm việc làm để có thu nhập, các bị cáo đã đưa chị Lương Thị H1 sang Trung Quốc cho Vi Thị Sáu bán cho người đàn ông Trung Quốc làm vợ. Các bị cáo đã xem người phụ nữ là món hàng để bán nhằm thu lợi bất chính. Vì vậy, cần lên một mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, bị cáo Vi Thị T giữ vai trò chính trong vụ án, là người trực tiếp nhận thông tin về việc đưa người bán sang Trung Quốc từ Vi Thị Sáu, tìm người và nhận tiền từ Vi Thị Sáu nên phải chịu mức án cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo Vi Thị Q, Vi Văn T1 là người giúp sức tích cực cho Vi Thị T. Bị cáo Vi Thị Q biết chị Lương Thị H1 (con dâu bị cáo) có hoàn cảnh khó khăn, bố bị bệnh ung thư không có tiền chữa trị, hai con còn nhỏ, không có việc làm nên bàn bạc chị H1 sang Trung Quốc làm việc Vi Thị Sáu nhưng thực chất là để bán. Vi Văn T1 là người đưa chị Lương Thị H1 ra cửa khẩu Móng Cái, Quảng Ninh để giao cho người của Vi Thị Sáu đưa sang Trung Quốc bán nhằm thu lợi bất chính. Vì vậy, bị cáo Vi Thị Q và Vi Văn T1 phải chịu mức án tương xứng với vai trò của mình.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Các bị cáo Vi Thị T, Vi Thị Q, Vi Văn T1 không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy các bị cáo Vi Thị T, Vi Thị Q, Vi Văn T1 đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, văn hóa thấp, nhận thức pháp luật có phần hạn chế, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo Vi Thị Q có thêm tình tiết giảm nhẹ bị cáo đầu thú, người bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo thực sự khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, chị Lương Thị H1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại các khoản về danh dự, nhân phẩm sức khỏe với số tiền 82.000.000 đồng. Xét yêu cầu của chị H1 là chính đáng. Do đó, cần chấp nhận xem xét và buộc các bị cáo Vi Thị T, Vi Thị Q, Vi Văn T1 liên đới bồi thường các khoản:

- Tiền mất thu nhập trong thời gian bị bán sang Trung Quốc: 18 tháng x 3.000.000đ = 54.000.000đ;

- Bù đắp tổn thất tinh thần 10 tháng x 1.390.000đ = 13.900.000đ;

- Bồi dưỡng sức khỏe: 8.000.000đ.

Tổng cộng các khoản: 75.900.000đ.

[6] Về vật chứng: Đối với số tiền thu lợi bất chính của bị cáo gồm: Vi Thị T là 40.00.000 đồng; Vi Văn T1 10.000.000 đồng; Vi Thị Q 80.000.000 đồng. Đây là tài sản do phạm tội mà có nên lẽ ra cần truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên xét thấy số tiền 80.000.000 đồng của Vi Thị Q thì bị cáo Q đã dùng chi đóng học phí cho hai con của chị Lương Thị H1 và mua thức ăn chi tiêu sinh hoạt trong thời gian chị H1 ở Trung Quốc; số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Vi Thị T và Vi văn T1 đã chi tiêu hết, các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nếu truy thu cũng không có khả năng thi hành nên không truy thu số tiền thu lợi bất chính đối với các bị cáo.

[7] Trong vụ án này còn có đối tượng Vi Thị Sáu cùng tham gia. Vi Thị Sáu là người đã bán Lương Thị H1 cho người đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ nhưng không xác định được lai lịch địa chỉ cụ thể. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[8] Về án phí: Các bị cáo Vi Thị T, Vi Thị Q, Vi Văn T1 phải chịu án phí Hình sự và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Vi Thị T, Vi Văn T1 và Vi Thị Q phạm tội “Mua bán người”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 119, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: bị cáo Vi Thị T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 13/3/2018.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 119, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: bị cáo Vi Thị Q 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 11/5/2018.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 119, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: bị cáo Vi Văn T1 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 13/3/2018.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo Vi Thị T, Vi Văn T1 và Vi Thị Q.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 584, 585, 586, 592 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Vi Thị T, Vi Thị Q, và Vi Văn T1 phải liên đới bồi thường cho chị Lương Thị H1 số tiền: 75.900.000đ (bảy mươi lăm triệu, chín trăm ngàn đồng). Chia kỷ phần:

- Bị cáo Vi Thị T phải bồi thường: 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng);
- Bị cáo Vi Thị Q phải bồi thường: 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng);
- Bị cáo Vi Văn T1 phải bồi thường: 15.900.000đ (mười lăm triệu, chín trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại §02 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Vi Thị T phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 1.500.000đ (một triệu, năm trăm ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Vi Thị Q phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 1.500.000đ (một triệu, năm trăm ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Vi Văn T1 phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 795.000đ (bảy trăm, chín mươi lăm ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- UBND xã Châu Lý, QH;
- UBND xã Tiên Kỳ, TK;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lang Thị Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vi Văn Chắt

